

Bản án số: 199/2020/HS-ST  
Ngày 25-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Đăng;
2. Ông Lương Thanh Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 188/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2020/QĐXXST-HS ngày 11/9/2020 đối với bị cáo:

Trần M (tên gọi khác: U), sinh năm: 1988, tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú tại: Ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Trần M, sinh năm: 1940 (chết) và bà Nguyễn L, sinh năm: 1945; bị cáo có vợ là Nguyễn Q, sinh năm: 1987; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 23/6/2015, Trần M bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi trộm cắp tài sản thực hiện ngày 15/11/2014; ngày 10/8/2016, Trần M bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy thực hiện ngày 05/12/2012. Tổng hợp hình phạt của bản án ngày 23/6/2015, Trần M phải chấp hành chung của hai bản án là 05 năm tù. Chấp hành án xong ngày 29/01/2019;

Ngày 11/6/2020 bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã C cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Bà Dương E, sinh năm 1963; hộ khẩu thường trú tại: Ấp 9, xã Khánh Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau; đăng ký tạm trú: Nhà trọ L, tổ 5, ấp S, xã AĐ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần M là chồng của chị Nguyễn Q. Chị Q là con nuôi của bà Dương E.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/6/2020, M đi bộ từ phòng trọ của mình ở phòng số 04, nhà trọ H đến nhà trọ Phạm L cách đó khoảng 100m để chơi. Lúc này, bà E và con gái là chị Lê T đi làm, chỉ có cháu Lê H, sinh năm 2011 là con của chị T ở trong phòng nằm trên võng xem ti vi, Một hồi cháu H “bà ngoại đi đâu rồi” thì H trả lời “Con không biết”. M kêu H đi tìm bà E nhưng H không đi mà tiếp tục ngồi xem ti vi. Một đi lại võng nằm cùng xem ti vi. Khoảng 5 phút sau, M đi lại bàn để ti vi lấy thuốc hút nhưng không tìm thấy bật lửa nên đi lại chỗ bếp ga để bật bếp ga lên mới thuốc hút. Lúc này, Một thấy bên trong bịch nylon đang treo một quai trên đầu tủ lạnh có một cái bóp màu đen cộm bên trong nên nghĩ có tiền trong bóp. M nảy sinh ý định lấy trộm cái bóp để tiêu xài nên dùng tay phải mở túi nylông lấy cái bóp da màu đen bỏ vào túi quần bên phải rồi kéo khóa túi lại, đi ra võng nằm tiếp. Khoảng 10 phút sau, M đi về phòng trọ của mình, M cất giấu cái bóp lấy trộm được vào mái tôn trước cửa phòng trọ.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bà E đi làm về đến phòng trọ của mình thì gặp con trai là anh Lê C đến cho bà E tiền, bà E đi lại chỗ bếp lấy bóp để cất tiền thì phát hiện mất cái bóp màu đen. Bà E hỏi cháu H thì biết M có đến phòng trọ của mình chơi. Bà E nghi ngờ M lấy tiền của mình nên đến Công an xã Đ trình báo sự việc. Công an xã Đ mời M đến trụ sở làm việc, M đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm bóp da màu đen của bà E và chỉ nơi cất giấu bóp da màu đen ở mái tôn trước phòng trọ của M thuê. Công an xã Đ dẫn M đến chỗ cất giấu bóp màu đen và thu giữ, qua kiểm tra bên trong có 38 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền là 19.000.000 đồng và 02 giấy bán vàng của bà E. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C thụ lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- + Số tiền 19.000.000 đồng;
- + 01 Giấy phép hạng A1 mang tên Trần Văn Một.

Quá trình điều tra, Trần M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của M phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Ngày 09/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C xử lý vật chứng giao trả cho bà Dương E số tiền 19.000.000 đồng, giao trả cho Trần VM 01 giấy phép lái xe số AL 079929 cấp ngày 24/7/2009 do sở giao thông vận tải Đồng Nai cấp cho Trần M.

Bản Cáo trạng số 198/CT-VKSBC ngày 28/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Trần M mức án từ 01 năm 02 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã C, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã C trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/6/2020, tại phòng trọ số 51 nhà trọ Phạm L, Trần M có hành vi lén lút lấy trộm cái bóp màu đen bên trong có số tiền 19.000.000 đồng của bà Dương E đem về cất giấu thì bị phát hiện.

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 19.000.000 đồng. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm

2017). Do đó, bản Cáo trạng số 198/CT-VKSBC ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo từng 02 lần kết án, cụ thể: Ngày 23/6/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi trộm cắp tài sản thực hiện ngày 15/11/2014; Ngày 10/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy thực hiện ngày 05/12/2012. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, Trần M phải chấp hành 05 năm tù. Bị cáo chấp hành án xong ngày 29/01/2019. Ngày 10/06/2020 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, này cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian đủ để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Ngày 09/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C xử lý vật chứng giao trả cho bị hại là bà Dương E số tiền 19.000.000 đồng, giao trả cho Trần M 01 giấy phép lái xe số AL 079929 cấp ngày 24/7/2009 do sở giao thông vận tải Đồng Nai cấp cho Trần M là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Dương E đã nhận lại toàn bộ số tiền 19.000.000 đồng và không có yêu cầu gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần M 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2020.
3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- CA thị xã Bến Cát;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Huỳnh**